



ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CANH TÁC DỪA TẠI ĐẢO PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

Nguyễn Đoàn Hữu Trí^{1, 2}, Thái Nguyễn Quỳnh Thư^{1, 2},
Trần Đăng Hòa², Trần Thị Hoàng Đông^{2*}

¹ Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu, 171–175 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

² Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Trần Thị Hoàng Đông <tranthihoangdong@huaaf.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 24-3-2024; Ngày chấp nhận đăng: 21-5-2024)

Tóm tắt. Cây dừa (*Cocos nucifera* L.) là cây trồng quan trọng ở các vùng biển đảo, được trồng phổ biến ở hơn 30.000 hòn đảo trên thế giới với nhiều giá trị sử dụng và là sinh kế của người nông dân. Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng canh tác dừa tại đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang bằng phương pháp thu thập số liệu thứ cấp và phỏng vấn nông hộ. Kết quả cho thấy, cây dừa được trồng tập trung tại xã Cửa Dương và xã Cửa Cạn với diện tích từ 0,2 đến 0,8 ha/hộ, chủ yếu là hình thức chuyên canh với hai nhóm giống dừa phổ biến là lấy dầu và uống nước. Giống dừa lấy dầu có độ tuổi từ 1 đến 15 năm, thời gian ra hoa từ 4,0 đến 5,0 năm sau trồng và năng suất từ 40 đến 60 quả/cây/năm. Giống dừa uống nước có độ tuổi dưới 10 năm, thời gian ra hoa từ 3,0 đến 4,0 năm sau trồng và năng suất từ 50 đến 100 quả/cây/năm. Hình thức bán quả dừa tại đảo Phú Quốc chủ yếu là uống nước với số lần thu hoạch từ 10 đến 15 lần/năm. Chi phí chăm sóc vườn dừa trong thời kỳ kinh doanh chủ yếu dưới 10 triệu đồng/ha/năm với lợi nhuận đa số dưới 20 triệu đồng/ha/năm.

Từ khóa: cây dừa, đảo Phú Quốc, giống dừa, hiệu quả kinh tế

An assessment of the situation of coconut cultivation in Phu Quoc Island, Kien Giang province, Vietnam

Nguyen Doan Huu Tri^{1, 2}, Thai Nguyen Quynh Thu^{1, 2},
Tran Dang Hoa², Tran Thi Hoang Dong^{2*}

¹ Research Institute for Oil and Oil Plants of Vietnam, 171–175 Ham Nghi St., Nguyen Thai Binh Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

² University of Agriculture and Forestry, Hue University, 102 Phung Hung St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Tran Thi Hoang Dong <tranthihoangdong@huaaf.edu.vn>

(Submitted: March 24, 2024; Accepted: May 21, 2024)

Abstract. Coconut trees (*Cocos nucifera* L.) are a popular crop on more than 30,000 islands around the world, with many uses and livelihood values for farmers. The study was conducted to evaluate the current status of coconut farming on Phu Quoc Island by interviewing farmer households. The results showed that coconut trees were planted in Cua Duong and Cua Can communes with growing areas ranging from 0.2 to 0.8 hectares per household, mainly in the form of specialised cultivation with two popular coconut varieties which were oil coconut and drinking coconut. Coconut oil varieties ranged in age from 1 to 15 years, flowering time from 4.0 to 5.0 years after planting, and yield from 40 to 60 fruits per tree per year. Drinking coconut varieties were less than 10 years old; flowering time was from 3.0 to 4.0 years after planting; and yielding was from 50 to 100 fruits per tree per year. The form of fruit sales on Phu Quoc Island was mainly drinking coconuts purchased, with harvests ranging from 10 to 15 times per year. The investment cost for coconut gardens of households the business period mainly under 10 millions VND and average incomes under 20 millions VND per hectare per year, respectively.

Keywords: Phu Quoc island, coconut trees, coconut varieties, economic efficiency

1 Đặt vấn đề

Dừa (*Cocos nucifera* L.) là cây trồng phổ biến ở hơn 30.000 hòn đảo nằm ở khu vực nhiệt đới và cận nhiệt đới trên thế giới [1]. Theo Jonas và cs., cây dừa có khả năng thích nghi tốt trong điều kiện biến đổi khí hậu, nhất là ở vùng hải đảo trên thế giới nên việc phát triển giống dừa uống nước và lấy dầu đã được nông hộ áp dụng tại một số hải đảo trong khu vực Đông Nam Á [2, 3].

Tại Việt Nam, diện tích trồng dừa năm 2022 gần 173.000 ha, trong đó tập trung ở Đồng bằng Sông Cửu Long và Duyên hải Nam Trung Bộ [4, 5]. Phú Quốc là đảo lớn nhất ở nước ta với diện tích 589,23 km² và đất trồng trọt chính là đất cát [6]. Năm 2017, ở Phú Quốc cây dừa được định hướng phát triển theo hướng tuyển chọn các giống dừa uống nước có năng suất cao, chất lượng tốt, tạo cảnh quan và phát triển du lịch sinh thái [7]. Tính đến năm 2023, diện tích trồng dừa tại đảo Phú Quốc là 273 ha và sản lượng thu hoạch khoảng 4.000 tấn, tăng 8,74% so với năm 2022 [8].

Nghiên cứu này được tiến hành trong năm 2023 tại đảo Phú Quốc, tập trung điều tra sự phân bố, cơ cấu giống, tình hình thu hoạch và hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng dừa nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp phát triển sản xuất dừa tại đảo Phú Quốc.

2 Phương pháp nghiên cứu

Số liệu thứ cấp về điều kiện tự nhiên, diện tích, năng suất, sản lượng và quy mô trồng dừa năm 2023 được thu thập từ Cục Thống kê tỉnh Kiên Giang, Phòng Kinh tế thành phố Phú Quốc và Trạm Khuyến nông thành phố Phú Quốc.

Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra nông hộ bằng phương pháp phỏng vấn có sự tham gia. Nội dung khảo sát gồm hiện trạng sản xuất dừa, đặc điểm giống dừa, thu hoạch và thu nhập từ vườn dừa. Số lượng hộ điều tra là 60 hộ, được tính theo công thức của Slovin [9]:

$$n = \frac{N}{1 + N \times e^2}$$

trong đó, n là cỡ mẫu điều tra, N là cỡ mẫu tổng thể và e là sai số mong muốn. Ước lượng tại đảo Phú Quốc có khoảng 200 hộ nông dân trồng dừa dựa theo diện tích và sai số mong muốn là 10% ($e = 0,1$).

Các số liệu được nhập, mã hóa và xử lý bằng phần mềm Excel 365.

3 Kết quả và thảo luận

3.1 Hiện trạng sản xuất dừa tại đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Theo thống kê của Trạm Khuyến nông thành phố Phú Quốc năm 2023, diện tích trồng dừa tập trung chủ yếu ở xã Cửa Dương và xã Cửa Cạn với tỉ lệ khoảng 70% tổng diện tích dừa tại đảo Phú Quốc [8]. Kết quả điều tra cho thấy, cây dừa được trồng phổ biến ở ấp Bến Tràm, Búng Gỏi, Cây Thông Trong, Suối Cát, xã Cửa Dương và ấp 2, ấp 3, xã Cửa Cạn. Theo quy hoạch phát triển nông nghiệp đảo Phú Quốc định hướng đến năm 2030, cây dừa được mở rộng phát triển ở vùng ven biển phía Đông (xã Hàm Ninh) với diện tích trồng dừa dự kiến là 1.000 ha và sản lượng 10 triệu quả/năm [7]. Ngoài ra, diện tích và đất quy hoạch trồng cây lâu năm đến năm 2030 tại đảo Phú Quốc là 6.193,0 ha và chiếm 10,5% tổng diện tích đất tự nhiên [10]. Vì vậy, việc mở rộng diện tích trồng dừa tại đảo Phú Quốc là phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh Kiên Giang và đáp ứng phát triển nông nghiệp theo hướng đa dạng sinh học, tạo cảnh quan và phát triển du lịch.

Bảng 1 cho thấy, diện tích đất nông nghiệp của một nông hộ ở đảo Phú Quốc dao động từ 0,5 đến 3,0 ha. Trong đó, diện tích từ 1,0 đến 1,5 ha có tỉ lệ nông hộ chiếm nhiều nhất là 27,0%; kế đến là diện tích từ 0,5 đến 1,0 ha và trên 3,0 ha với tỉ lệ lần lượt là 22,2% và 25,4% số hộ khảo sát. Diện tích trồng dừa của nông hộ dao động từ 0,2 đến 2,0 ha, phổ biến nhất là từ 0,2 đến 0,6 ha, chiếm tỉ lệ 47,6% số hộ khảo sát. Kế đến là diện tích trồng dừa từ 1,0 đến 2,0 ha, chiếm tỉ lệ 19,0% và 0,6 đến 0,8 ha, chiếm tỉ lệ 14,3% số hộ khảo sát. Kết quả này cho thấy quy mô trồng dừa của nông hộ ở đảo Phú Quốc tương đối lớn so với diện tích đất nông nghiệp.

Theo Khan và cs., cây dừa có khả năng thích nghi cao, sinh trưởng tốt trên nhiều điều kiện đất đai khác nhau, từ đất cát ven biển đến đất sét, vùng trũng thoát nước kém hay đất sườn đồi [11]. Bảng 1 cho thấy ở đảo Phú Quốc dừa được trồng chủ yếu trên đất cát pha với tỉ lệ 84,2% số hộ khảo sát, điều này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Văn Tý và cs. cho rằng tầng đất mặt chủ yếu tại đảo Phú Quốc là cát pha thịt [6].

Hình thức canh tác dừa ở đảo Phú Quốc là chuyên canh, chiếm 87,3% số hộ khảo sát và trồng xen chiếm tỉ lệ thấp (12,7%). Tuy nhiên, xu hướng của một số quốc gia trồng dừa trên thế giới áp dụng các hệ thống canh tác tùy thuộc vào thời kỳ sinh trưởng của cây dừa nhằm gia tăng hiệu quả kinh tế do cây dừa có hệ số sử dụng tài nguyên ở mức thấp [12], đặc biệt là ở thời kỳ kiến thiết cơ bản [13]. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Mialet-Serra và cs. cho rằng trong thời kỳ kinh

Bảng 1. Diện tích, loại đất và hình thức trồng dứa tại đảo Phú Quốc

	Chỉ tiêu điều tra	Tỉ lệ hộ điều tra (%)
Diện tích đất nông nghiệp (ha)	< 0,5	25,0
	≥ 0,5 – 1,0	32,5
	≥ 1,0 – 1,5	12,5
	≥ 1,5 – 2,0	7,5
	≥ 2,0 – 2,5	2,5
	≥ 3,0	7,5
Diện tích đất trồng dứa (ha)	< 0,2	9,6
	≥ 0,2 – 0,4	23,8
	≥ 0,4 – 0,6	23,8
	≥ 0,6 – 0,8	14,3
	≥ 0,8 – 1,0	6,3
	≥ 1,0 – 2,0	19,0
Loại đất canh tác	≥ 2,0	3,2
	Cát	7,9
	Cát pha	84,2
Hình thức canh tác	Thịt	7,9
	Chuyên canh	87,3
	Trồng xen	12,7

doanh, một lượng đáng kể tài nguyên gồm ánh sáng, nước và dinh dưỡng trong đất không được cây dứa sử dụng nên việc trồng xen không làm giảm năng suất của cây dứa [14].

Phân loại theo đặc điểm sinh học hay mục đích sử dụng gồm hai nhóm giống chính là dứa cao (dứa lấy dầu) và dứa lùn (dứa uống nước) [15, 16]. Điều tra tại đảo Phú Quốc cho thấy không có sự khác biệt về tỉ lệ nông hộ trồng giống dứa lấy dầu và uống nước, với tỉ lệ 36,5%. Nông hộ trồng cả hai giống dứa chiếm tỉ lệ 27,0% số hộ khảo sát. Đối với giống dứa lấy dầu gồm hai giống chính là dứa Ta (chiếm 72,5%) và dứa Dâu (27,5%). Đối với giống dứa uống nước gồm các giống Xiêm xanh, Xiêm đỏ, Xiêm lửa, Dứa, Mã Lai và Tam Quan; trong đó giống dứa Xiêm xanh và dứa Dứa chiếm tỉ lệ cao nhất, lần lượt là 60,4% và 25,0% số hộ quan sát (Bảng 2).

Bảng 2. Thực trạng về giống dứa tại đảo Phú Quốc

	Chỉ tiêu điều tra	Tỉ lệ hộ điều tra (%)
Giống dứa	Lấy dầu	36,5
	Uống nước	36,5
	Lấy dầu và uống nước	27,0
Giống dứa lấy dầu	Ta	72,5
	Dâu	27,5
Giống dứa uống nước	Xiêm xanh	60,4
	Xiêm đỏ	6,2
	Xiêm lửa	2,1
	Dứa	25,0
	Mã Lai	4,2
	Tam Quan	2,1

3.2 Tình hình sinh trưởng, phát triển và năng suất dứa tại đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Bảng 3 cho thấy tuổi vườn dứa lấy dứa tại đảo Phú Quốc chủ yếu từ 1 đến 10 năm tuổi, chiếm tỉ lệ 57,5% và các độ tuổi còn lại chiếm tỉ lệ từ 2,5 đến 12,5% số hộ khảo sát. Thời gian ra hoa của giống dứa lấy dứa phổ biến từ 4,0 đến 5,0 năm với tỉ lệ là 61,8% số hộ khảo sát và cũng có đến 35,3% số nông hộ trồng dứa có thời gian ra hoa trên 5 năm. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Đặng Xuân Nghiêm, Phạm Thị Lan và cs., theo các tác giả này giống dứa cao có đặc tính ra hoa muộn, từ 6 đến 8 năm sau trồng nhưng trường hợp trồng đúng mật độ và bón phân đầy đủ sẽ rút ngắn thời gian ra hoa từ 4 đến 6 năm sau trồng [17, 18].

Số buồng của giống dứa lấy dứa trồng tại đảo Phú Quốc dao động từ 10 đến 12 buồng/cây/năm, trong đó dưới 10 buồng/cây/năm chiếm tỉ lệ 41,2% và 10 đến 12 buồng chiếm tỉ lệ 52,9%. Kết quả phù hợp với nghiên cứu của Phan Thanh Hải và cs., số buồng của giống dứa lấy dứa trồng trên nền đất cát tại tỉnh Bình Định có số buồng từ 6 đến 10 buồng [19]. Đối với số quả trong giai đoạn dứa mùa chủ yếu từ 6 đến 10 quả/buồng, chiếm tỉ lệ 50,0% và số quả trong giai đoạn dứa treo phổ biến từ 3 đến 6 quả/buồng, chiếm tỉ lệ 70,6%.

Năng suất của giống dứa lấy dứa dao động từ 20 đến 100 quả/cây/năm nhưng phổ biến nhất từ 40 đến 60 quả/cây/năm, chiếm 35,3% số hộ khảo sát. Tuy nhiên, một số vườn dứa lấy dứa có năng suất cao, từ 80 đến 100 quả/cây/năm và trên 100 quả/cây/năm có tỉ lệ lần lượt là 23,5% và 11,8% số hộ quan sát (Bảng 3).

Bảng 3. Tình hình sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống dứa lấy dứa tại đảo Phú Quốc

	Chỉ tiêu điều tra	Tỉ lệ hộ điều tra (%)
Tuổi vườn dứa (năm)	≥ 1 – 5	25,0
	≥ 6 – 10	32,5
	≥ 11 – 15	12,5
	≥ 16 – 20	7,5
	≥ 21 – 25	2,5
	≥ 26 – 30	7,5
	> 30	12,5
Thời gian ra hoa (năm)	< 4,0	2,9
	≥ 4,0 – 5,0	61,8
	> 5,0	35,3
Số buồng (buồng/cây/năm)	Chưa có buồng	5,9
	< 10	41,2
	≥ 10 – 12	52,9
	> 12	0,0
Số quả dứa mùa (quả/buồng)	Chưa có quả	5,9
	< 6	8,8

Chỉ tiêu điều tra	Tỉ lệ hộ điều tra (%)
≥ 6 – 10	50,0
> 10	35,3
Số quả dứa treo (quả/buồng)	
Chưa có quả	5,9
< 3	14,7
≥ 3 – 6	70,6
> 6	8,8
Năng suất (quả/cây/năm)	
Chưa có quả	5,9
< 20	2,9
≥ 20 – 40	11,8
≥ 40 – 60	35,3
≥ 60 – 80	8,8
≥ 80 – 100	23,5
≥ 100	11,8

Khác với dứa lấy dâu, giống dứa uống nước có đặc điểm ra hoa sớm (3 đến 4 năm sau trồng) và chu kỳ sinh trưởng ngắn (30 đến 40 năm) phụ thuộc vào điều kiện sinh thái và chế độ chăm sóc [15]. Kết quả điều tra ở Bảng 4 cho thấy, tại đảo Phú Quốc, tuổi vườn dứa uống nước chủ yếu từ 1 đến 10 năm tuổi, chiếm tỉ lệ 92,5%, điều này thể hiện giống dứa uống nước được nông dân quan tâm canh tác trong giai đoạn 10 năm gần đây. Thời gian ra hoa của một số vườn dứa uống nước tương tự như nghiên cứu của Satyabalan với thời gian ra hoa từ 3,0 đến 4,0 năm sau trồng chiếm tỉ lệ cao nhất (50,0% số hộ khảo sát) [15].

Số buồng của giống dứa uống nước dao động dưới 10 buồng/cây đến trên 12 buồng/cây, trong đó từ 10 đến 12 buồng/cây chiếm tỉ lệ nhiều nhất (52,5%). Kết quả này thấp hơn so với tiềm năng của giống dứa uống nước nếu chăm sóc tốt trong thời kỳ kiến thiết cơ bản sẽ làm gia tăng số buồng từ 13 đến 15 buồng/cây/năm [18, 20]. Số quả trong giai đoạn dứa mùa được ghi nhận chủ yếu từ 6 đến 15 quả/buồng với tỉ lệ 62,5% và trong giai đoạn dứa treo từ 1 đến 6 quả với tỉ lệ 50,0%.

Năng suất của giống dứa uống nước tại đảo Phú Quốc từ 50 đến 100 quả/cây/năm chiếm tỉ lệ cao nhất, đạt 32,5% số hộ khảo sát và kể đến từ 100 đến 150 quả/cây/năm. Nhìn chung, năng suất giống dứa uống tại đây ở mức trung bình thấp vì theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Bích Hồng, Phạm Thị Lan và cs. cho thấy năng suất giống dứa uống nước từ 100 đến 200 quả/cây/năm [18, 20].

Bảng 4. Tình hình sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống dưa uống nước tại đảo Phú Quốc

	Chỉ tiêu điều tra	Tỉ lệ hộ điều tra (%)
Tuổi vườn dưa (năm)	≥ 1 – 5	50,0
	≥ 6 – 10	42,5
	≥ 11 – 15	7,5
	> 15	0,0
Thời gian ra hoa (năm)	Chưa có hoa	25,0
	< 3,0	15,0
	≥ 3,0 – 4,0	50,0
	> 4,0	10,0
Số buồng (buồng/cây/năm)	Chưa có buồng	25,0
	< 10	15,0
	≥ 10 – 12	52,5
	> 12	7,5
Số quả dưa mùa (quả/buồng)	Chưa có quả	25,0
	≥ 1 – 5	5,0
	≥ 6 – 10	27,5
	≥ 11 – 15	35,0
	≥ 16 – 20	0,0
	> 20	7,5
Số quả dưa treo (quả/buồng)	Chưa có quả	25,0
	1 – 3	25,0
	4 – 6	25,0
	7 – 9	15,0
	10 – 12	7,5
	> 12	2,5
Năng suất (quả/cây/năm)	Chưa có quả	25,0
	< 50	12,5
	≥ 50 – 100	32,5
	≥ 100 – 150	17,5
	≥ 150 – 200	5,0
	≥ 200	7,5

3.3 Tình hình thu hoạch và hiệu quả kinh tế từ vườn dưa ở đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Quả dưa được thu hoạch ở các giai đoạn khác nhau tùy thuộc vào mục đích sử dụng, thông thường từ 8 đến 10 tháng tuổi cho nhu cầu uống nước (đối với giống dưa uống nước và lấy dầu)

và từ 11 đến 12 tháng tuổi đối với giống dừa lấy dầu [21]. Kết quả điều tra tại đảo Phú Quốc cho thấy, số lần thu hoạch biến động từ 5 đến 20 lần/năm phụ thuộc vào sinh lý của quả dừa và nhu cầu sử dụng, trong đó tần suất thu hoạch từ 10 đến 15 lần/năm chiếm tỉ lệ cao nhất (65,4%), điều này tương tự như khảo sát của Thamban và cs. [22]. Thu hoạch dừa gồm có hai cách chính là nông dân tự thu hoặc thương lái thu với tỉ lệ lần lượt là 23,8% và 52,4% với hình thức bán quả chủ yếu là dừa uống nước, chiếm tỉ lệ 81,0% số hộ khảo sát nên việc phát triển giống dừa uống nước sẽ đáp ứng cho nhu cầu tiêu thụ và thị trường tại đảo Phú Quốc (Bảng 5).

Bảng 6 cho thấy, chi phí chăm sóc dừa thời kỳ kinh doanh có sự biến động từ 10 đến 30 triệu đồng/ha/năm, trong đó chi phí dưới 10 triệu đồng/ha/năm chiếm tỉ lệ nhiều nhất, đạt 36,5% số hộ khảo sát. Chi phí duy trì cho cây dừa từ 10 đến 20 triệu đồng/ha/năm và trên 30 triệu đồng/ha/năm có tỉ lệ là 25,4% số hộ khảo sát, còn lại là nông hộ có chi phí duy trì từ 20 đến 30 triệu đồng/ha/năm (12,7% số hộ khảo sát).

Thu nhập từ dừa của nông hộ tại đảo Phú Quốc dao động từ dưới 20 đến trên 160 triệu đồng/ha/năm. Trong đó, số hộ có mức thu nhập từ dừa dưới 60 triệu đồng/ha/năm là chủ yếu, chiếm 60,3%. Rethinam cho rằng lợi nhuận từ trồng dừa phụ thuộc chủ yếu vào chi phí chăm sóc bao gồm công lao động, đặc điểm giống và năng suất [23]. Trong nghiên cứu này, sự khác nhau về chi phí chăm sóc vườn dừa của nông hộ ở đảo Phú Quốc cũng dẫn đến sự biến động về lợi nhuận và mức lợi nhuận của nông hộ từ vườn dừa tập trung chủ yếu dưới 20 triệu đồng/ha/năm với tỉ lệ 44,4% số hộ khảo sát. Kế đến là mức lợi nhuận từ 20 đến 40 triệu đồng/ha/năm, chiếm 15,9% số hộ khảo sát và từ 40 đến 60 triệu đồng/ha/năm, chiếm 17,5% số hộ khảo sát.

Bảng 5. Tình hình thu hoạch và tiêu thụ dừa của nông hộ tại đảo Phú Quốc

Chỉ tiêu điều tra	Tỉ lệ hộ điều tra (%)	
Số lần thu hoạch (lần/năm)	< 5	5,8
	≥ 5 – 10	19,2
	≥ 10 – 15	65,4
	≥ 15 – 20	3,8
	≥ 20	5,8
Cách thu hoạch	Tự thu	23,8
	Thương lái	52,4
	Tự thu và thương lái	6,3
	Chưa thu hoạch	17,5
Hình thức bán quả	Dừa khô	1,5
	Dừa uống nước	81,0
	Dừa chưa có quả	17,5

Bảng 6. Chi phí, thu nhập và hiệu quả kinh tế từ vườn dứa của nông hộ tại đảo Phú Quốc

	Chỉ tiêu điều tra	Tỉ lệ hộ điều tra (%)
Chi phí chăm sóc dứa thời kỳ kinh doanh (triệu đồng/ha/năm)	< 10	36,5
	≥ 10 – 20	25,4
	≥ 20 – 30	12,7
	≥ 30	25,4
Thu nhập từ vườn dứa (triệu đồng/ha/năm)	< 20	20,6
	≥ 20 – 40	22,2
	≥ 40 – 60	17,5
	≥ 60 – 80	7,9
	≥ 80 – 100	9,5
	≥ 100 – 120	11,1
	≥ 120 – 140	3,2
	≥ 140 – 160	3,2
Lợi nhuận từ dứa (triệu đồng/ha/năm)	< 20	44,4
	≥ 20 – 40	15,9
	≥ 40 – 60	17,5
	≥ 60 – 80	7,9
	≥ 80 – 100	7,9
	≥ 100 – 120	0,0
	≥ 120 – 140	1,6
	≥ 140 – 160	3,2
	≥ 160	1,6

4 Kết luận và kiến nghị

4.1 Kết luận

Tại đảo Phú Quốc, dứa được trồng tập trung ở xã Cửa Dương và xã Cửa Cạn với diện tích trồng dứa phổ biến từ 0,2 đến 0,8 ha/hộ. Hình thức trồng dứa chủ yếu là chuyên canh trên nền đất cát pha và đa số có hiện tượng dứa treo.

Hai nhóm giống dứa lấy dầu và dứa uống nước đều được trồng tại đảo Phú Quốc với đặc điểm sinh trưởng và phát triển khác nhau. Trong đó, dứa lấy dầu với độ tuổi từ 1 đến 15 năm, thời gian ra hoa từ 4 đến 5 năm sau trồng, năng suất từ 40 đến 60 quả/cây/năm; dứa uống nước phổ biến với độ tuổi dưới 10 năm, thời gian ra hoa từ 3 đến 4 năm sau trồng, năng suất từ 50 đến 100 quả/cây/năm.

Hình thức bán quả tại đảo Phú Quốc chủ yếu là dựa uống nước do thương lái thu hoạch với số lần thu hoạch từ 10 đến 15 lần/năm. Chi phí chăm sóc vườn dừa trong thời kỳ kinh doanh phổ biến dưới 10 triệu đồng/ha/năm, thu nhập từ vườn dừa chủ yếu dưới 60 triệu đồng/ha/năm và lợi nhuận dưới 20 triệu đồng/ha/năm.

4.2 Kiến nghị

Phát triển diện tích trồng dừa theo định hướng quy hoạch chung tại đảo Phú Quốc, nâng cao hiệu quả kinh tế dựa trên xác định giống dừa phù hợp đặc điểm đất và nhu cầu thị trường, áp dụng các biện pháp bón phân hợp lý và trồng xen trong vườn dừa nhằm phát triển cây dừa theo hướng bền vững tại đảo Phú Quốc.

Tài liệu tham khảo

1. Nayar, N. M. (2016), Does the coconut have a future? *Keynote address. In: Chowdappa P et al. (eds) Abstracts of third international symposium on coconut research and development*, The Central Plantation Crops Research Institute, Kasaragod, India.
2. Jonas, L. A., Thatheva, S., Žiga M., Peter, H. V., Jasper, V. (2023), Climate change impacts on tree crop suitability in Southeast Asia, *Regional Environmental Change*, 23(117), 1–14. DOI: 10.1007/s10113-023-02111-5
3. Alouw, J. C., Wulandari, S. (2020), Present status and outlook of coconut development in Indonesia, *IOP Conference Series: Earth and Environmental Science*, 418, 012035.
4. FAO (2022), *World Food and Agriculture – Statistical Yearbook 2022*, Rome, p. 158.
5. Thái Nguyễn Quỳnh Thư, Nguyễn Đoàn Hữu Trí, Nguyễn Thị Mai Phương, Lưu Quốc Thắng, Phạm Phú Thịnh, Lê Công Nông, Dương Xuân Diêu, Trần Thị Hoàng Đông và Trần Đăng Hòa (2022), *Cây dừa - Kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc và chế biến*, Nxb. Nông nghiệp.
6. Nguyễn Văn Tý, Lê Huy Bắc (2004), *Phân diện đất tại Phú Quốc (VN 63)*, Viện Thổ nhưỡng Nông hóa.
7. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (2017), *Quyết định về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nông nghiệp huyện Phú Quốc đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030*, Số 63/QĐ-UBND ngày 11 tháng 1 năm 2017.
8. Trạm Khuyến nông thành phố Phú Quốc (2024), *Báo cáo tổng kết hoạt động khuyến nông năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024*.
9. Sevilla, C. G. (2004), *Research Methods*, Metro Manila: Rex Printing Company, Inc.
10. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (2022), *Quyết định về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang*, Số 1841/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2022.
11. Khan, H. H., Sankaranarayanan, M. P., Narayana, K. B. (1979), *Characteristics of coconut belts of India: Morphology, some physico-chemical characteristics and taxonomy*, In: Nelliath EV,

- Ranganathan V, Vishveshwara S, Potti SN, Krishna Murthy Rao W, Zachariah PK (eds), *Proceedings of PLACROSYM-1, Indian Society for Plantation Crops, Kasaragod*, 54–79.
12. Reynolds, S. G. (1995), Pasture cattle coconut systems, *Food and Agriculture Organisation of United Nations in Regional Office for Asia and the Pacific*, Bangkok, Thailand, p. 668.
 13. Nelliath, E. V., Bavappa, K. V. A., Nair, P. K. R. (1974), Multi-storeyed cropping - a new dimension in multiple cropping for coconut plantations, *World Crops*, 26(6), 262–266.
 14. Mialet-Serra, I., Bonneau, X., Mouchet, S., Kitu, W. T. (2001), Growth and yield of coconut-cacao intercrops, *Experimental Agriculture*, 37, 195–210.
 15. Satyabalan, K. (1997), Coconut varieties and cultivars – their classification, *Asian Pacific Coconut Community*, Jakarta, Indonesia, 105.
 16. Nguyễn Bảo Vệ, Trần Văn Hậu, Lê Thanh Phong (2005), *Giáo trình Cây đa niên, Phần II: Cây công nghiệp*, Tủ sách Trường Đại học Cần Thơ, 3–47.
 17. Đặng Xuân Nghiêm (1991), *Cây dừa*, Nxb. Nông nghiệp, 152 trang.
 18. Phạm Thị Lan, Võ Văn Long, Nguyễn Thị Bích Hồng, Lưu Quốc Thắng, Phạm Phú Thịnh, (2010), *Nghiên cứu hoàn thiện các dữ liệu khoa học của bốn giống dừa bản địa làm cơ sở xin công nhận giống*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu.
 19. Phan Thanh Hải, Nguyễn Tấn Hưng, Hoàng Vinh, Bàn Quốc Trinh, Lê Thị Thanh Thủy, Nguyễn Thị Chúc Quỳnh (2017), *Nghiên cứu chọn giống và biện pháp canh tác nhằm nâng cao năng suất và chất lượng dừa ở các tỉnh miền Trung*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ.
 20. Nguyễn Thị Bích Hồng (2008), *Nghiên cứu chọn tạo một số giống dừa mới có năng suất, có chất lượng đáp ứng yêu cầu công nghiệp chế biến và xuất khẩu*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu.
 21. Manikantan M. R., Pandiselvam R., Beegum S., Mathew A. C. (2018), *Harvest and Postharvest Technology*, In Nampoothiri, K. U. K. (Ed.), *The Coconut Palm (Cocos nucifera L.) - Research and Development Perspectives*, Springer Nature Singapore.
 22. Thamban C., Mathew A. C., Muralidharan K., Subramanian P., Singh V. T., Madhavan K. (2011), Coconut climbing methods and devices: a participatory analysis of constraints and strategies, *Journal Plant Crops*, 39, 45–47.
 23. Rethinam P. (2005), Increase coconut productivity through soil moisture conservation in coconut plantations, *Coco Info International*, 12(2), 5–9.